

Số: 299/2024/QĐST-HNGĐ

Quận G, ngày 22 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 114/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số G đường B, phường T, Quận G, Tp ..

2/ Ông Phạm Huỳnh Đăng T1, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số A T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Phạm Huỳnh Đăng T1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2017 (Giấy chứng nhận kết hôn số 122 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 12 năm 2017).

Quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Phạm Huỳnh Đăng T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Phạm Huỳnh Đăng T1 là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Phạm Huỳnh Đăng T1 không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Phạm Huỳnh Đăng T1 không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Phạm Huỳnh Đăng T1 không có nợ chung.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Phạm Huỳnh Đăng T1 phải chịu lệ phí theo quy định Pháp luật lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Phạm Huỳnh Đăng T1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 122 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 12 năm 2017).

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Phạm Huỳnh Đăng T1 không có con chung.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Phạm Huỳnh Đăng T1 không có tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Phạm Huỳnh Đăng T1 không có nợ chung.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Phạm Huỳnh Đăng T1 chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0038028 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp . . Vậy, bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Phạm Huỳnh Đăng T1 đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu T2